

Bản án số: 303/2024/HS-PT

Ngày 26 – 04 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 840/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Lê Minh T.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Minh T (tên gọi khác: T già), sinh năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, Bình Phước; Nơi ở: Khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Lái xe; cha là Lê Văn T1 và mẹ là Trần Thị H (đã chết); Vợ là Phạm Thị Ngọc T2 (đã ly hôn), sinh năm 1978; bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; ngoài ra bị cáo chung sống như vợ chồng với Kim Thị Dang L, sinh năm 1993; Bị cáo có 14 anh chị em, bị cáo là con thứ 13 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 12/7/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên phạt 03 năm tù về tội Cướp tài sản theo Bản án số 106/HSST.

- Ngày 16/9/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Bản án số 48/2010/HSST.

- Ngày 27/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ra Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian chấp hành là 18 tháng theo Quyết định số 28/2017/QĐ-TA.

- Ngày 31/10/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 115/2018/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo không có kháng cáo:

Nguyễn Thế V (tên gọi khác: Không) sinh năm 1988 tại Nam Định; Nguyên quán: Nam Định; Nơi thường trú và nơi ở: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Thợ mộc; cha là Nguyễn Đức V1, sinh năm 1964 và mẹ là Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1968; Vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1985; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ 2019; gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 31/7/2007 Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cưỡng đoạt tài sản theo Bản án số 43/2007/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Lê Minh T: Luật sư Tô Ngọc Minh T3, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: E - F N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Kim Thị Dang L, tên gọi khác: T2; sinh năm 1993; Trú tại: Ấp F, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

2. Ông Phạm Đức T4; sinh năm 1977; Trú tại: Tổ C, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

3. Ông Phạm Văn T5; sinh năm 1982; Trú tại: Ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

4. Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1950; Trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

5. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1945; Trú tại: Tổ C, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

6. Ông Lê Văn T6, sinh năm 1972; Trú tại: C T, B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

7. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1981; Trú tại: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

8. Ông Lê Minh T7, tên gọi khác: Bé; sinh năm 1981; Trú tại: Khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1976; Trú tại: Khu phố S, phường T, Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Minh Q, tên gọi khác: Minh B1; sinh năm: 1989; Trú tại: Tổ C, ấp C, Minh L1, huyện C, Bình Phước; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị trấn C (có mặt).
 2. Ông Đỗ A P1, sinh năm: 2000; Trú tại: Tổ A, ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).
 3. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1994; Trú tại: Tổ A, ấp E, M, huyện C, Bình Phước; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thị trấn C (vắng mặt).
 4. Kim Ngọc K, sinh năm 1984; Trú tại: ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).
 5. Ông Lê Quang H3, sinh năm 2004; Trú tại: Tổ B, ấp I, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).
 6. Bà Phạm Thị H4, sinh năm 1990; Trú tại: Tổ B, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).
 7. Bà Phạm Thị Ngọc T2, sinh năm 1978; Trú tại: Khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).
 8. Bà Trần Thị Thu L2, sinh năm 1960; Trú tại: Thôn F, xã N, huyện B, Bình Phước (vắng mặt).
 9. Ông Kim Đ, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn F, xã N, huyện B, Bình Phước (vắng mặt).
 10. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1985; Trú tại: ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).
- **Người chứng kiến:** Bà Mai Thị B2, sinh năm 1976; Trú tại: Khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh T và Nguyễn Thế V đều là người nghiện ma túy. Viên quen biết và thường xuyên đến nhà T tại khu phố T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nhà do Kim Thị Dang L (Trâm), SN 1993, HKTT: ấp F, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước, thuê của bà Mai Thị B2, SN 1976, HKTT: khu phố T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để chung sống như vợ chồng với T) chơi nên biết T có bán ma túy. Ngoài ra, V còn tham gia trực chốt phòng chống Covid-19 ở xã T, huyện Đ nên biết rõ đường tắt đi để tránh đi qua các chốt chốt phòng chống Covid-19 trên địa bàn.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 17/8/2021, V nhờ và Phạm Văn P, SN 1981, trú tại: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước đồng ý sử dụng xe mô tô hiệu Sirius BKS 93Z1-0628 chở V đến nhà của T. Khi đến nơi thì cả 02 gặp T và Phạm Đức T4, SN 1977, HKTT: Tổ 32, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước đang ở trong nhà. Tại nhà của T, do V, P và T4 đều là người nghiện ma túy nên khi thấy có bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã có sẵn ma túy nên cả 03 đều lần lượt sử dụng ma túy. Khi P đang ở dưới bếp, T và V đang ở trong phòng ngủ thì T nói V đi đến khu vực ngã ba C thuộc huyện P, tỉnh Bình Dương nhận ma túy và mang về cho T, V đồng ý, T gửi số điện thoại của V cho người giao ma túy ở Bình Dương [BL 604] và cho V số điện thoại

của người giao ma túy là 0336.221.177 [BL 568], T nói cho V biết đặc điểm ma túy được đóng gói nguy trang trong bịch bánh và ngũ cốc [BL 606]. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, người đàn ông sử dụng số điện thoại 0336.221.177 gọi cho V nói khoảng một tiếng nữa đến khu vực ngã ba C để nhận hàng. Sau khi nghe điện thoại xong, V nhờ P chở đến khu vực giáp ranh xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương và xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để nhận hàng rồi V nói P đi về nhà, khi nào V gọi điện thoại thì đến đón, P đồng ý. Viên đi bộ qua địa phận xã A vào nhà người bạn tên N (*không rõ nhân thân, lai lịch*) mượn xe mô tô để đi đến khu vực ngã ba C thì gặp anh Lê Văn T6, SN: 1972, HKTT: 31A/6 T, khu phố B, phường D, Tp D, tỉnh Bình Dương (là tài xế lái xe dịch vụ giao hàng). Anh T6 giao cho V 01 túi nylon màu đỏ nặng khoảng 02kg [BL 568], V mở ra xem nhìn thấy bên trong có một bịch bánh hiệu One One, một bịch ngũ cốc và ba hộp thuốc thì biết ma túy được nguy trang bên trong đúng như T đã dặn trước đó nên nhận rồi quay về trả xe mô tô cho N và gọi điện cho P đến chở về nhà T. Trên đường đi, do biết cổng nhà của T có khóa số [BL 569] nên khi đến ngã ba đường vào nhà T thì V điện thoại cho T nói “sắp về đến nhà rồi mở cửa sẵn đi” [BL 117]. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày thì P chở V đến cổng nhà T thấy cổng đã mở và P nói có công việc nên chạy xe mô tô đi luôn, còn V bước xuống xe đi bộ vào trong sân nhà T thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện ma túy nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 bọc nylon màu trắng kích thước (20x14x7) cm trên bọc nylon có chữ “AAA” bên trong chứa tinh thể màu trắng có trọng lượng 1,05kg (nghĩ là ma túy dạng đá) ký hiệu M1; 01 bọc nylon màu trắng kích thước (14,5 x 33)cm trên bọc nylon có chữ “AAA”, bên trong có chứa tinh thể màu trắng có trọng lượng 1,05kg (nghĩ là ma túy dạng đá) ký hiệu M2 và các đồ vật tài liệu khác có liên quan đến vụ án. V khai nhận việc T nhờ V đi nhận ma túy về giúp cho T nhưng khi về đến nhà chưa kịp giao ma túy cho T thì bị bắt quả tang như trên [BL 58-62; 566-612].

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Minh T. Lê Minh T đang ở trong nhà, được tổ công tác và chủ nhà cho T thuê nhà là bà Mai Thị B2 vận động nhưng T không chấp hành. Tổ công tác đã tiến hành cắt khung cửa sổ phòng khách để thực hiện Lệnh khám xét chỗ ở của T. Kết quả khám xét thu giữ: 01 túi nylon dạng kéo miết kích thước (7x4)cm bên trong có chứa chất rắn màu nâu vàng đựng trong nylon màu trắng được quấy giấy ăn màu trắng (ký hiệu M); 01 túi nylon đựng các túi dạng kéo miết kích thước (11 x 7) cm và (4 x 8) cm có tổng trọng lượng 1,5kg; 01 cân tiểu ly điện tử hình chữ nhật kích thước (12,5 x 10,5)cm và các đồ vật tài liệu khác có liên quan đến vụ án [Bút lục 131-146B]. Khám khám xét chỗ ở của Nguyễn Thế V, kết quả khám xét thu giữ: 01 hộp giấy màu đen bên ngoài có chữ “VIP” kích thước (18x 9,5)cm bên trong có một khẩu súng cán bằng gỗ dài 07cm, thân súng bằng kim loại, kiểm tra bên trong có hai viên đạn bằng kim loại và các đồ vật tài liệu khác có liên quan đến vụ án [BL 123-130].

Quá trình điều tra Viên còn khai nhận: Viên quen biết Trục khoảng 03 tháng, có đến nhà T và biết T có sử dụng ma túy nên V đã 02 lần mua ma túy của T để sử dụng, mỗi lần mua 500.000^d và đã sử dụng hết. Ngoài ra, V có đi lấy ma túy tại tỉnh Bình Dương cho T tổng cộng 03 lần và được trả công bằng ma túy, cụ thể: Lần thứ nhất trước ngày 17/8/2021 khoảng 01 tháng, T điều khiển xe ô tô biển số 48A-067.02 chở V đến khu vực cầu P thuộc xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương gặp một người đàn ông đi xe ô tô 07 chỗ (*không rõ nhân thân, lai lịch*) nhận một gói, dạng gói trà có hút

chân không, T mang lên xe ô tô và để dưới chân chỗ V ngồi và nói là ma túy đá rồi lái xe ô tô đi về. Trục hỏi và V đã giúp chỉ đường tắt tránh đi qua chốt kiểm dịch để về nhà T. Trên đường về, T đưa điện thoại của T cho V nhờ chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng mang tên Kim Thị Dang L số 102872347918 đến số tài khoản 0919.839.869 mang tên Huỳnh Phúc H5, SN 1980, địa chỉ: phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, số tiền 341.000.000^d. Khi về đến nhà T, T nói cho V biết trong gói trà là ma túy đá và V được T cho sử dụng ma túy mà không phải trả tiền. Lần thứ hai ngày 10/8/2021, khi V đang trực chốt phòng chống Covid-19 ở xã T, huyện Đ thì T rủ đi Bình Dương, V đồng ý. Trục điều khiển xe ô tô biển số 48A-067.02 chở V đến khu vực cầu P thuộc xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương gặp người đàn ông lần trước, T nhận một gói, dạng gói trà có hút chân không rồi mang lên xe ô tô và để dưới chân chỗ V ngồi và lái xe ô tô đi về. Khi về đến nhà, T nói cho V biết trong gói trà là ma túy và lấy 02 bọc ma túy đá trong gói trà này ra phân lẻ để bán. Sau đó T đưa cho V “một hộp mười” ma túy đá với mục đích trả tiền công cho V đi lấy ma túy cùng với T [BL 566-612].

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn xác định Lê Minh T đã bán ma túy cho các đối tượng cụ thể như sau:

- Khoảng tháng 01/2021, Lê Minh Q (Minh bầu), SN:1989; HKTT: ấp C, xã M, C, Bình Phước, là người sử dụng trái phép chất ma túy, thông qua mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội cho Q số điện thoại của Lê Minh T và nói T có bán ma túy nên Q đã nhiều lần liên hệ mua ma túy của T tại nhà T, mỗi lần mua với giá từ 3.000.000^d đến 5.000.000^d, có khi trả bằng tiền mặt, có khi Q nợ lại tiền mua ma túy sau đó Q hỏi số tài khoản ngân hàng để trả tiền thì được T đưa tài khoản tên Kim Thị Dang L số 102872347918 để Q chuyển tiền trả. Q đã nhiều lần sử dụng số tài khoản số 101872556639 tại Ngân hàng C3 (do Q nhờ bạn là Nguyễn Văn H2, SN 1994, HKTT: tổ A, ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước sử dụng CMND mở tài khoản dùng bằng số điện thoại 0976336362 rồi đưa cho Q sử dụng [BL 718-736].

- Khoảng tháng 5 và tháng 6 năm 2021, Nguyễn Thế V 02 lần đến nhà Lê Minh T mua ma túy của với giá 500.000^d và 1.000.000^d, trả trực tiếp bằng tiền mặt. Số ma túy V mua và số ma túy được T trả công dẫn đường tắt đi nhận ma túy ở tỉnh Bình Dương về nhà giúp cho T thì V mang về sử dụng và bán lại cho người nghiện lấy tiền tiêu sài. Trong đó, Đỗ A P1 đã mua ma túy của Viên 03-04 lần với giá từ 300.000^d đến 500.000^d, lần gần nhất vào ngày 14/8/2021 mua với giá 500.000^d để sử dụng cùng với Lê Quang H3, SN 2004 và Vũ Xuân T8, SN 1996, cùng HKTT: Ấp I, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước và đã sử dụng hết [BL 566-612; 837-847; 853-858; 924].

Kết luận giám định số 253/2021/GĐ-MT ngày 23/8/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng có trong một bọc nylon (ký hiệu M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1.021,2745 gam; Tinh thể màu trắng có trong một bọc nylon (ký hiệu M2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 966,9499 gam; mẫu hoàn lại sau giám định được niêm phong có khối lượng: M1 = 1000,4710gam; M2=941,3813gam [BL 184-188].

Kết luận giám định số 254/2021/GĐ-MT ngày 23/8/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu nâu vàng có trong một gói nylon (ký hiệu M) được

niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2078 gam; mẫu hoàn lại sau giám định được niêm phong có khối lượng: M = 0,0927gam [BL 189-193].

(Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ)

Kết luận giám định số 4322/C09B ngày 25/10/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận [BL 204-209]:

- 01 khẩu súng có cán gỗ dài 07cm, thân súng bằng kim loại (thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Thế V) – là súng ổ quay chế tạo thủ công, bán đạn thể thao cỡ (5,6 x 15)mm, có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng; sử dụng để tiêu diệt, phá hủy mục tiêu;

- 02 viên đạn bằng kim loại (thu giữ tại nơi ở của V) là đạn thể thao cỡ 6,5 x 15mm, sử dụng cho khẩu súng ổ quay nêu trên, không phải là đạn quân dụng;

- 01 khẩu súng dạng AK báng gấp là đồ chơi nguy hiểm sử dụng hệ thống lò xo, pít tông (hoạt động bằng pin) để bắn các viên hình cầu, không phải là vũ khí quân dụng và 01 khẩu súng ngắn màu đen, ốp màu nâu, dài 15cm là đồ chơi nguy hiểm (súng pháo), không phải là vũ khí quân dụng; 167 viên bi kim loại có đường kính 0,5cm và 124 viên bi kim loại có đường kính 0,4cm không phải là đạn quân dụng, không sử dụng được cho các khẩu súng trên (thu giữ tại chỗ ở của T);

- 02 viên đạn có ký hiệu “32 auto AP” là đạn quân dụng cỡ 7.65x17mmSR Browning; không sử dụng được cho các loại súng trên, 01 viên ký hiệu “DZK 3mm PA” là đạn cao su cỡ 9 x 22mm-thuộc công cụ hỗ trợ (thu giữ tại nơi ở của Trục);

- 01 roi điện màu đen dài 16cm hiệu “928 TYPE” và 01 còng số 8 ký hiệu E16-509 (thu giữ tại nơi ở của T), là công cụ hỗ trợ

Kết luận giám định số 92/2021/GĐ-KTS ngày 12/10/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh B đã trích xuất nội dung chi tiết hình ảnh Camera thu giữ tại chỗ ở của Lê Minh T lưu trong đĩa DVD kèm theo bản kết luận [BL 210-213];

Kết luận giám định số 93/2021/GĐ-KTS ngày 12/10/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận giám định trích xuất hình ảnh từ thiết bị USB thu giữ tại cửa hàng sắt thép T9 (có bản ảnh kèm theo) [BL 214-222].

Kết luận giám định số 60/2021/GĐ-TL ngày 05/11/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Chữ viết nội dung “102872347918 Kim Thị Dang Linh V2 chuyển 250.000.000” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Lê Minh T trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1-M7 là do cùng một người viết ra [BL 223-228].

Kết luận giám định số 114/2021/KL(SKSM)-KTHS ngày 06/7/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận xe mô tô hiệu Suzuki Hayate màu trắng, biển số 68C1-046.80 có số máy, số khung không thay đổi [BL 242-243].

Kết luận định giá tài sản số 1835/KL-HĐĐGTS ngày 13/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự tỉnh Bình Phước, kết luận: tổng giá trị số kim loại bằng vàng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Lê Minh T gửi định giá là 296.032.800^d [BL 246-257]

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Honda màu trắng đỏ, biển kiểm soát 93M1-322.87. Ngày 19/5/2022 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 16/QĐ-CSMT trả cho chủ sở hữu ông Lê Minh T7, SN: 1981, HKTT: khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước: 01 xe mô tô hiệu Honda màu trắng đỏ, biển kiểm soát 93M1-322.87;

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS 93Z1-0628 mà Viên sử dụng chở Viên trong ngày 17/8/2021, là thuộc sở hữu của ông Phạm Văn T5, SN:1982, HKTT: ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, ông T5 đưa cho cha ruột là ông Phạm Văn C1, SN 1950, HKTT: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước sử dụng (ông T5 là anh trai ruột và ông C1 là cha ruột của Phạm Văn P). Ngày 17/8/2021, P lấy xe trên sử dụng chở V đi thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên xe trên đã bị Cơ quan CSĐT tạm giữ để phục vụ điều tra. P, ông T5 và ông C1 đều không biết V thực hiện hành vi phạm tội. Ông T5 có đơn xin trả lại xe. Ngày 02/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 23/QĐ-CSMT trả lại xe trên chủ sở hữu ông Phạm Văn T5 [BL 664; 817-822; 390-391; 393-397].

- Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 6S, số máy MKT72LL/A, số Seri DNPQ7EFDGRY5 thu giữ của Nguyễn Ngọc H1, xét thấy không liên quan đến vụ án nên ngày 09/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 25/QĐ-CSMT trả lại điện thoại trên cho ông Nguyễn Ngọc H1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, đã tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Minh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 40; Điều 58 điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Minh T mức án tử hình.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thế V về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ vũ khí quân dụng”; phần xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2023, bị cáo Lê Minh T kháng cáo kêu oan, cho rằng không thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, chỉ thừa nhận có tàng trữ 0,2078 gam loại Methamphetamine thu giữ tại nơi ở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Minh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Lê Minh T, đại diện Viện kiểm sát xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Minh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát cũng cho rằng bị cáo là người có nhân thân xấu, quá trình điều tra không thành khẩn khai báo nên mức hình phạt cao nhất mà Tòa sơ thẩm xử phạt là tương xứng. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho sự việc ngoại

phạm của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Minh T trình bày: Căn cứ hồ sơ, tài liệu trong vụ án thì không có chứng cứ trực tiếp về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Minh T, lời khai của các đối tượng liên quan, cụ thể Lê Minh Q và Nguyễn Thế V không đồng nhất, nhiều lần thay đổi lời khai, mâu thuẫn với nhau nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất. Các chứng cứ chưa mang tính thuyết phục, nguồn tiền nộp vào, chuyển đi chưa được xác minh, lời khai các bị cáo không thừa nhận số tiền là dùng để giao dịch mua bán ma túy với T nên chưa đủ cơ sở xác định tội danh và mức hình phạt, nhưng đã xử phạt bị cáo mức án tử hình là chưa đảm bảo, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại.

Lời nói sau cùng, bị cáo Lê Minh T mong muốn được chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Minh T đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án có đồng phạm do Lê Minh T là người chủ mưu, cầm đầu mua bán trái phép chất ma túy; Nguyễn Thế V là đồng phạm tích cực.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Thế V mặc dù chỉ thừa nhận ngày 17/8/2021 được Lê Minh T nhờ đi đến ngã ba Cây khô thuộc địa bàn huyện P, tỉnh Bình Dương nhận thuốc phòng chống C2. Tuy nhiên Nguyễn Thế V cũng thừa nhận bịch hàng mà cơ quan công an thu giữ khi mang đến nhà T chính là bịch hàng mà T nhờ đi đến ngã ba C lấy. Đồng thời khẳng định các lời khai của mình tại cơ quan điều tra là hoàn toàn tự nguyện, không bị mớm cung, ép cung.

Đối với lời khai của Lê Minh Q tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng các lời khai tại cơ quan điều tra là do Điều tra viên mớm cung. Tuy nhiên quá trình điều tra không có khiếu nại về hành vi tố tụng nên lời khai của Lê Minh Q là không có căn cứ.

Xét thấy, trong quá trình điều tra bị cáo V đã thừa nhận số ma túy mà lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ ngày 17/8/2021 tại nhà của bị cáo T (sau khi giám định xác định là ma túy có trọng lượng là 1.988,2244 gam loại Methamphetamine) là do bị cáo V đi lấy về cho bị cáo T từ một người giao hàng tại ngã ba Cây khô thuộc địa bàn huyện P, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa sơ thẩm thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội giúp sức cho Lê Minh T. Tuy nhiên sau khi bị Tòa sơ thẩm tuyên phạt mức án tù chung thân về hành vi đồng phạm, bị cáo không kháng cáo. Do đó cấp sơ thẩm tuyên phạt mức án tù không thời hạn và sử dụng các chứng cứ là các lời khai của Nguyễn Thế V và Lê Minh Q là có căn cứ và hợp pháp.

[3] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Lê Minh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai của bị cáo V trong quá trình điều tra là hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, những người chứng kiến, kết luận giám định ma túy [BL 184-188] và giám định trích xuất hình ảnh thể hiện chính bị cáo V là người cầm bịch hàng, sau giám định xác định là chất Methamphetamine vào trong sân nhà T và bị bắt quả tang [BL214-222]; phù hợp với vật chứng thu giữ; Kết luận giám định của Phòng K1 Công an tỉnh B: Tổng trọng lượng của các mẫu giám định thu giữ khi bắt quả tang đối với V là 1.988,2244 gam loại Methamphetamine; Ngoài ra khi khám xét tại nhà Lê Minh T 0,2078 gam loại Methamphetamine.

Các lời khai của Nguyễn Thế V về vai trò đồng phạm giúp sức Lê Minh T trong các lần mua bán trái phép chất ma túy trước ngày 17/8/2021 cũng hoàn toàn phù hợp với kết quả sao kê ngân hàng có nội dung chuyển tiền, số tiền chuyển, tài khoản nguồn và tài khoản đích – mà chính từ lời khai của bị cáo V khai báo với CQĐT thì mới xác định, xác minh và thu thập được tài liệu sao kê ngân hàng tên Kim Thị Dang L3; phù hợp với các số điện thoại, kể cả nội dung tin nhắn của bị cáo V nhắn cho bị cáo T mở sẵn cổng khi V mang ma túy về gần đến cổng nhà bị cáo T – tin nhắn đã được thu thập ngay sau khi bị cáo V bị bắt quả tang “sắp về đến nhà rồi mở cửa sẵn đi” [BL117]; phù hợp với kết quả tra cứu thông tin chủ thuê bao của các cơ quan viễn thông và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra đã chứng minh làm rõ nội dung vụ án về thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, người thực hiện cũng như thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội.

Các lời khai của Nguyễn Thế V cũng hoàn toàn phù hợp với lời xác nhận của Kim Thị Dang L (T2) là người sống như vợ chồng với Lê Minh T về việc cho bị cáo Lê Minh T sử dụng tài khoản ngân hàng và lời khai này phù hợp kết quả tra cứu, xác minh, giám định chữ ký, chữ viết đúng là của T trên tờ giấy ghi số tài khoản của Kim Thị Dang L3, số tiền chuyển; phù hợp với lời khai của V về thời gian có đi lấy ma túy cùng bị cáo T trước đó và T nhờ V sử dụng tài khoản của L3 được cài phần mềm ứng dụng trên điện thoại của T sử dụng để chuyển tiền cho Huỳnh Phúc H5; phù hợp với lời khai của Phạm Đức T4 về việc T có đưa 01 tờ giấy có ghi số tài khoản của L3 và số tiền 250 triệu để nhờ T4 chuyển số tiền này – kết quả giám định xác định đúng là chữ viết của T; lời khai của người liên quan Lê Minh Q (M)-hiện cũng đang thi hành án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” xác định đã nhiều lần liên hệ mua ma túy của T, mỗi lần mua từ 3 triệu đến 5 triệu đồng và M1 nhiều lần trả tiền mua ma túy cho T thông qua tài khoản Kim Thị Dang L do T cung cấp. Kết quả xác minh sao kê ngân hàng số tài khoản do Kim Thị Đ1 L là chủ thụ hưởng thể hiện trong khoảng thời gian từ 21/10/2020-15/8/2021 M1 đã 70 lần thực hiện việc chuyển, nhận tiền cho T thông qua tài khoản Kim Thị Dang L [BL 711-736].

Xét thấy quá trình điều tra, Nguyễn Thế V, Lê Minh Q tự nguyện khai báo, đồng thời các hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm được thực hiện một cách hợp pháp và không có khiếu nại. Do đó, lời khai của Nguyễn Thế V là chứng cứ và hoàn toàn phù hợp với diễn biến của vụ án về thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, người thực hiện cũng như thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Minh Trực tiếp t không thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ thừa nhận có tàng trữ 0,2078 gam loại Methamphetamine thu giữ tại nơi ở với mục đích để sử dụng. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của Nguyễn Thế V và các lời khai của Phạm Văn P, Phạm Đức T4 là các đối tượng có mặt tại nhà T trước thời điểm xảy ra vụ án vào ngày 17/8/2021 và sau đó P chở V đi; lời khai của V đi nhận ma túy mang về cho T, biết T luôn khóa cổng nên nhắn tin trước cho T mở cổng sẵn - phù hợp kết quả tra cứu của cơ quan Viễn thông thể hiện có tin nhắn Viên gửi cho T trước thời điểm bị bắt quả tang “sắp về đến nhà rồi mở cửa sẵn đi” [BL117] và khi V về đến nhà T thì lúc này cổng nhà T đã đã mở; khi lực lượng công an tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T, mặc dù T đang ở trong nhà, đã được tổ công tác và chủ nhà cho T thuê vận động nhưng không chấp hành. Đồng thời sau khi cất cửa tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở của bị cáo Lê Minh t1 đã thu giữ số ma túy theo kết luận giám định có khối lượng 0,2078 gam loại Methamphetamine cùng nhiều dụng cụ sử dụng ma túy và công cụ sử dụng để mua bán ma túy.

Như vậy, căn cứ vào lời khai của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra, Tòa sơ thẩm xác định T là người chủ mưu đồng thời là người thực hiện liên lạc, giao dịch mua bán trái phép ma túy tại địa bàn tỉnh Bình Dương sau đó mang về tỉnh Bình Phước bán cho các con nghiện, phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

Đối với số ma túy có khối lượng 0,2078 gam loại Methamphetamine thu giữ trong nhà Trực quản lý, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lê Minh T chỉ thừa nhận tàng trữ số ma túy có khối lượng 0,2078 gam loại Methamphetamine để sử dụng, nên ngoài các căn cứ để chứng minh bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như nhận định nêu trên thì còn đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên xét thấy, bị cáo Lê Minh T bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với khung hình phạt cao nhất và cũng bị Tòa sơ thẩm áp dụng mức hình phạt cao nhất. Nên ngoài các căn cứ để chứng minh trọng lượng ma túy mà Nguyễn Thế V mang đến nhà T vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/8/2021 là theo chỉ đạo của T. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của Nguyễn Thế V, Lê Minh Q và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định V, Q... là những đối tượng nhiều lần mua bán ma túy trước ngày 17/8/2021 với Lê Minh T. Do đó xác định số ma túy có trọng lượng 0,2078 gam loại Methamphetamine nêu trên, Lê Minh T tàng trữ nhằm mục đích để mua bán trái phép. Do đó không cần thiết phải hủy bản án, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong lập luận, nhận định khi xác định tội danh.

[4] Bị cáo Lê Minh T kháng cáo kêu oan, tuy nhiên không có chứng cứ nào khác để chứng minh do đó kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[5] Bị cáo là người đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là trái pháp luật, nhưng với lối sống buông thả dẫn đến nghiện ngập nên cố ý thực hiện hành vi trái pháp luật.

Hành vi mà bị cáo thực hiện đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà N1 về chất ma túy, ảnh hưởng nghiêm

trọng đến trật tự và an toàn xã hội và là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Bị cáo còn là người có nhân thân xấu từng 03 lần bị các TAND xét xử về nhiều loại tội danh khác nhau, trong đó có cả tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 01 lần bị TAND huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử không thừa nhận hành vi phạm tội, thể hiện là người khó cảm hóa, biện pháp giáo dục bằng hình phạt tù đối với bị cáo không có tác dụng. Do đó Tòa sơ thẩm áp dụng mức hình phạt cao nhất đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Minh T cho rằng cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại cơ quan điều tra bị cáo Lê Minh T hoàn toàn không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã thực hiện các biện pháp thu thập chứng cứ khác để giải quyết mâu thuẫn đó là lời khai của những người liên quan, giám định trích xuất Camera, giám định chất ma túy, sao kê tài khoản ngân hàng và kết quả tra cứu của cơ quan viễn thông để chứng minh. Do đó việc đối chất là không cần thiết và không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên quan điểm của Luật sư không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Minh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 40; Điều 58; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Minh T** mức án tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Lê Minh T được quyền gửi đơn lên Chủ tịch N2 xin ân giảm án tử hình.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Minh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng CSTHAHS&HTTP
Công an tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước;
(Tổng đạt cho bị cáo) (3);
- Lưu (6). HS (2) 18b (Án 36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long